

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 930/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Phụng
2. Ông Chu Mạnh Tường

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 134/2018/TLST-HNGĐ ngày 05/02/2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 220/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 07 B, phường A, Thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Ông Đặng Chí N, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: 15/13 đường X, khu phố 1, phường T, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh H trình bày: bà và ông Đặng Chí N tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2005, do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/01/2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng đầu năm 2013 cho đến nay vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và ngày càng trầm

trọng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chính là do tính tình vợ chồng không hòa hợp có nhiều quan điểm bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Bà nhận thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn được, đời sống chung mâu thuẫn trầm trọng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông N;

Về con chung: có 02 con chung tên Đặng Anh K- sinh ngày: 23/9/2009 và Đặng Khôi N, sinh ngày- 16/8/2012, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà H xác định không có.

Bị đơn ông Đặng Chí N trình bày tại bản tự khai ngày 18/4/2018: Ông và bà Nguyễn Thị Ánh H tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2005, do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/01/2005. Thời gian đầu vợ chồng chung hạnh phúc, từ đầu năm 2010 cho đến nay vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chính là do tính tình vợ chồng không hòa hợp có nhiều quan điểm bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Ông nhận thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn được, đời sống chung mâu thuẫn trầm trọng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: có 02 con chung tên Đặng Anh K- sinh ngày: 23/9/2009 và Đặng Khôi N, sinh ngày- 16/8/2012, ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: không có.

Tòa án tiến hành triệu tập bị đơn để hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt. Thực hiện đúng thủ tục tố tụng, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng cư trú, niêm yết hợp lệ theo quy định, tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng có mặt; việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Ánh H với ông Đặng Chí N là tranh chấp ly hôn. Bị đơn cư trú tại quận Thủ Đức, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự có mặt của đương sự:

Ngày 27/8/2018 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đặng Chí N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần mà bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về các yêu cầu của nguyên đơn:

- Đối với yêu cầu được ly hôn.

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 02/2005 quyền số 05 do Ủy ban nhân dân phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 04/01/2005, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H với ông N là hôn nhân hợp pháp. Bà H cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chính là do tính tình vợ chồng không hòa hợp có nhiều quan điểm bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Xét yêu cầu của nguyên đơn xin được ly hôn là có căn cứ, bởi lẽ tình cảm của vợ chồng được xây dựng bởi tình yêu chân chính. Trong cuộc sống, vợ chồng phải chăm sóc và thương yêu lẫn nhau, nhưng thực tế cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nguyên đơn cố gắng hàn gắn, khuyên nhủ nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu sống chung cũng không mang lại hạnh phúc. Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa nguyên đơn, bị đơn và tại văn bản số 392/LĐTĐ ngày 16/4/2018 của Phòng lao động thương binh và xã hội thuộc Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức thì bà Nguyễn Thị Ánh H với ông Đặng Chí N là vợ chồng sống tại địa chỉ số 15/13 đường X, khu phố 1, phường T, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh, do mâu thuẫn gia đình, bà H và ông N sống ly thân, hiện nay bà H không còn cư trú tại địa chỉ trên, hai người con chung đang sống cùng cha ruột là ông Đặng Chí N tại địa chỉ 15/13 đường X, khu phố 1, phường T, quận TĐ. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập hòa giải để hai bên đoàn tụ, nhưng bị đơn vắng mặt, thể hiện bị đơn không có thiện chí đoàn tụ. Do đó yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với việc nuôi con chung:

Tại bản tự khai ngày 18/4/2018 ông N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Bà H trước đây cũng có nguyện vọng nuôi 02 con chung nhưng tại bản khai ngày 31/7/2018 bà H đồng ý giao 02 con chung Đặng Anh K - sinh ngày: 23/9/2009 và Đặng Khôi N, sinh ngày- 16/8/2012 cho ông N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng vì 02 con chung đang học tập và ở ổn định với ông N, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Xét, việc nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con khi cha mẹ ly hôn vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của cả cha mẹ nhưng giao cho ai trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con, việc nuôi dạy con tốt

hơn thì cần phải có sự cân nhắc. Hai con chung hiện nay đang sinh sống cùng ông N và ông N đủ điều kiện để nuôi con nên giao 02 con chung cho ông N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Ông N không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con: Đây là sự tự nguyện của ông N và sự tự nguyện này không vi phạm pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: bà H xác định không có.

[4]. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

-Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ánh H được ly hôn với ông Đặng Chí N.

-Về con chung: Giao 02 con chung tên Đặng Anh K - sinh ngày: 23/9/2009 và Đặng Khôi N, sinh ngày- 16/8/2012 cho ông Đặng Chí N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đặng Chí N về việc không yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Về tài sản chung: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: bà H xác nhận không có.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ánh H phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0038275 ngày 05/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, bà H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- THADS quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Thủy